|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 8: KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI**

**Tiết 90-91-92**

**XEM NGƯỜI TA KÌA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Thông tin về chủ đề

- Văn nghị luận

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nắm được những thông tin chung về chủ đề.

+ Biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.

+ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận được thể hiện trong văn bản “ Xem người ta kìa”.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng *( Khuyến khích HS tự tìm hiểu yêu cầu này).*

**3. Về phẩm chất:** Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS đến nhiệm vụ của bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi:

*+ Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Hs suy nghĩ, đưa ra ý kiến cá nhân

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những thông tin chung về chủ đề.

- Biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.

**b. Nội dung:** GV sử PP dạy học khám phá để hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề của bài học và tri thức Ngữ văn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS:  *+ Đọc phần Giới thiệu bài học*  *+ Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK tìm câu trả lời.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày hiểu biết cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học**  - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.  - Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Thảo luận cặp đôi, hoàn thành PHT.*  *+ Đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:*  *1. Văn bản nghị luận là gì?*  *2. Trong văn bản nghị luận có những yếu tố nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT; khai thác SGK, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **\* Tri thức Ngữ văn:**  **- Văn bản nghị luận:** là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **- Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận:**  + Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  + Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: *Viết một đoạn văn từ 5-7 câu bàn vai trò của tinh thần đoàn kết.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày đoạn văn.  - GV gọi HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. | *Không ai trong chúng ta mạnh bằng tất cả chúng ta. Câu nói đã cho ta thấy được sức mạnh của tinh thần đoàn kết. Đoàn kết giúp ta hòa thuận, hợp tác với mọi người, tạo ra sức mạnh vượt qua khó khăn, thử thách, chiến thắng nghịch cảnh. Sống không có tinh thần đoàn kết là tự tách mình ra khỏi tập thể, cộng đồng, bị mọi người xa lánh và khinh ghét, nhất định sẽ thất bại. Lịch sử dân tộc ta là minh chứng hùng hồn sức mạnh của tinh thần ấy. Dù bé nhỏ, nhưng dân tộc ta đã biết đoàn kết lại, góp nhỏ thành lớn và đánh bại mọi cuộc xâm lăng của kẻ thù hùng mạnh nhất thời đại. Mỗi học sinh phải luôn rèn luyện mình để trở thành người biết đoàn kết đồng thời quyết liệt phê phán những hành động gây mất đoàn kết trong tập thể, để xây dựng một tập thể trong sạch, vững mạnh.* |

**Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản “ Xem người ta kìa”**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.

- Nhận biết được vấn đề VB đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.

- Nắm được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm thảo luận và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV HDHS:  *+ Đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra.*  *+ Giải nghĩa các từ: hiếu thuận, khôn nguôi, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, hồi ức, trách cứ*  *+ Xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi HS đọc, giải nghĩa từ khó.  - HS khác theo dõi, hình dung theo hộp chỉ dẫn, tìm hiểu các chú thích, khai thác SGK, quan sát màn hình, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc cho HS, chốt nội dung trên màn hình. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  - Bày tỏ cảm xúc về truyện  **2. Chú thích**  *- hiếu thuận,*  *- khôn nguôi,*  *- chuẩn mực,*  *- xuất chúng,*  *- hoàn hảo,*  *- thâm tâm,*  *- hồi ức,*  *- trách cứ*  **3. PTBĐ**  - PTBĐ: nghị luận  **4. Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>* *ước mong điều đó (nêu vấn đề):* cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác  - Đoạn 3: *Tiếp =>* *trong mỗi con người*: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu vấn đề nghị luận**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  + *Người mẹ thường nói với con điều gì khi không hài lòng điều gì đó với đứa con? Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ mong muốn ở con điều gì?*  *+ Tâm trạng của người con ra sao mỗi lần nghe mẹ nói? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, gợi dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân trả lời câu hỏi.  - HS theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Giới thiệu vấn đề**  - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!”  - Mong muốn : Để con bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không ai phàn nàn, kêu ca  🡪 Mong ước rất giản dị, đời thường của mọi người mẹ. |
| **2.2. Tìm hiểu lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng?*  *+ Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó*  *+ Tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào để chứng minh?*  *+ Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài văn nghị luận?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS bám sát văn bản, thảo luận, tìm câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV cá nhân HS trả lời.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận, *khuyến khích HS tự tìm hiểu* mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. | **2. Bàn luận vấn đề**  ***a. Lí lẽ: Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác***  - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.  - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.  ***b. Bằng chứng: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.***  - Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người, tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động  - Các dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao  - Nghệ thuật: dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp. |
| **2.3. Tìm hiểu phần kết thúc**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Tác giả kết thúc vấn đề như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **3. Kết thúc vấn đề**  - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS căn cứ các nội dung đã tìm hiểu, dự kiến câu trả lời.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Mỗi khi không hài lòng với người con, bà mẹ thường thốt lên câu gì?

A. Xem người ta kìa

B. Người ta cười chết

C. Có ai như thế không?

**D. Con chẳng giống ai cả**

Câu 2: Xem người ta kìa thuộc kiểu văn bản?

**A. Văn bản nghị luận**

B. Văn bản tự sự

D. Văn bản miêu tả

C. Văn bản thuyết minh

Câu 3: Yếu tố quan trọng trong văn nghị luận là

A. Vấn đề cần bàn bạc, bằng chứng để chứng minh

B. Lí lẽ và bằng chứng

**C. Vấn đề cần bàn bạc, lí lẽ của người viết, bằng chứng để chứng minh**

D. Cả ba đáp án đều sai

Câu 4: Xem người ta kìa của tác giả nào?

A. Hoài Thanh

**B. Lạc Thanh**

C. Tô Hoài

D. Thạch Lam

Câu 5: Cách vài đề của tác giả có gì đặc biệt

**A. Nêu vấn đề bằng lời kể.**

B. Nêu vấn đề từ việc dẫn ý người khác.

C. Nêu vấn đề bằng trích dẫn danh ngôn.

D. Không có gì đặc biệt.

Câu 6: Bằng chứng mà tác giả đưa ra để làm sang tỏ ý kiến của bản thân là gì?

A. Trong một công ty, mỗi người đều khác nhau.

B. Trong một gia đình, mỗi người đều khác nhau.

**C. Trong một lớp học, mỗi người đều khác nhau.**

D. Trong một xã hội, mỗi người đều khác nhau.

Câu 7: Theo tác giả, chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là?

A. Đều phải hít thở

**B. Không ai giống ai cả**

C. Đều có chung màu da

D. Cả ba đáp án đều sai

Câu 8: Việc kết thúc bằng câu hỏi có ý nghĩa gì?

A. Vấn đề chưa có lời giải đáp

**B. Để mọi người tự đưa ra câu trả lời cho riêng mình**

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 9: Ý nghĩa câu nói: "Xem người ta kìa!" của mẹ trong quá khứ là

A. Con người ta sao giỏi bằng con mẹ

B. Muốn con phải hơn người ta

**C. Muốn con bằng người khác, không thua kém, không làm xấu mặt gia đình, không để ai phải phàn nàn, kêu ca.**

D. Cả A và C đều đúng

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Ai cũng có cái riêng của mình?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

*+ Câu "Ai cũng có cái riêng của mình" là câu chủ đề, các em có thể đặt ở đầu đoạn hay cuối đoạn đều được.*

*+ Tại sao mỗi người đều có cái riêng?*

*+ Cái riêng của từng người thể hiện ở những mặt nào?*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- GV cho HS đọc đoạn văn tham khảo ( màn hình)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

*Nếu những lời hay ý đẹp như những giọt mật ngọt ngào thì những lời phán xét, ác ý vẻ bề ngoài của người khác như mũi dao oan nghiệt có thể giết chết tâm hồn con người. Chính hành động chê bai, phán xét, bình luận ác ý về vẻ ngoài của người khác khiến họ sẽ cảm thấy tổn thương, tự ti, thậm chí sẽ dẫn đến tự tử. Chắc hẳn chúng ra chưa quên cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi sau khi bị bạn bè trêu trọc là “củ hành”. Vì vậy mỗi người hãy biết hòa đồng và tôn trọng, yêu thương tất cả mọi người, hãy dùng trái tim để cảm nhận con người chứ không chỉ dùng con mắt để đánh giá bề mặt. Có thế chúng ta mới không tự biến mình thành những kẻ xốc nổi, vô tâm và xấu xí trong mắt mọi người.*

( Bài làm của học sinh)

Câu 1: Theo em, văn bản trên đề cập đến nội dung gì?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 2: Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên đã phân tích, biện luận như thế nào?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 3: : Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên lấy ví dụ cụ thể nào?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**GỢI Ý PHT SỐ 1**

*Nếu những lời hay ý đẹp như những giọt mật ngọt ngào thì những lời phán xét, ác ý vẻ bề ngoài của người khác như mũi dao oan nghiệt có thể giết chết tâm hồn con người. Chính hành động chê bai, phán xét, bình luận ác ý về vẻ ngoài của người khác khiến họ sẽ cảm thấy tổn thương, tự ti, thậm chí sẽ dẫn đến tự tử. Chắc hẳn chúng ra chưa quên cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi sau khi bị bạn bè trêu trọc là “củ hành”. Vì vậy mỗi người hãy biết hòa đồng và tôn trọng, yêu thương tất cả mọi người, hãy dùng trái tim để cảm nhận con người chứ không chỉ dùng con mắt để đánh giá bề mặt. Có thế chúng ta mới không tự biến mình thành những kẻ xốc nổi, vô tâm và xấu xí trong mắt mọi người.*

( Bài làm của học sinh)

Câu 1: Theo em, văn bản trên đề cập đến nội dung gì?

Hậu quả của hành vi miệt thị người khác

Câu 2: Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên đã phân tích, biện luận như thế nào?

- Lời hay ý đẹp như mật ngọt- lời phán xét, ác ý về bề ngoài như mũi giao giết chết tâm hồn người khác

- Chê bai, phán xét, bình luận ác ý khiến người khác tổn thương, tự ti, tự tử

- Mỗi người nên sống hòa đồng, yêu thương mọi người, cảm nhận bằng trái tim…

Câu 3: : Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên lấy ví dụ cụ thể nào?

- Cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 93**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nghĩa của từ

- Trạng ngữ

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.

+ Nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV nêu tình huống, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu hs làm việc cá nhân:

*+ Em hãy quan sát trong lớp học hoặc trên sân trường xem có những sự vật, sự việc nào đang sảy ra và ghi lại cụ thể vị trí, địa điểm mà em nhìn thấy những sự vật, sự việc đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, đặt câu theo yêu cầu.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS trả lời.

- GV tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PP đàm thoại, gợi mở HDHS hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi:  *+ Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:*  a. Trên cây, chim hót líu lo.  b. Sáng nay, chúng em đi lao động.  c. Vì rét, những cây bàng rụng hết lá.  d. Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt.  e. Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập.  *+ Trạng ngữ là gì? Vị trí, chức năng của trạng ngữ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi, hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS báo cáo kết quả.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, kết luận. | **I. Trạng ngữ**  **1. Ví dụ**  **2. Kết luận**  **-** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, … của sự việc được nêu trong câu. - Có nhiều loại trạng ngữ: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích...  - Chức năng: Bổ sung ý nghĩa cho câu, trạng ngữ còn có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liền mạch  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **-** Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.

- Nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

**b. Nội dung:** GV sử dụng linh hoạt các PPDH để HDHS tiến hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu các bài tập 1,2,3 và thực hiện yêu cầu của các BT vào vở.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hướng dẫn:  + BT1:  *Chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó.*  *+* BT2: *Xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào; So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.*  + BT3: *Với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.*  HS trao đổi, thảo luận chung cả lớp, hoàn thành BT vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv gọi 3 HS trả lời; tổ chức cho HS nhận xét kết quả BT.  - HS đối chiếu kết quả bài làm và sửa chữa.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chiếu kết luận. | **Bài tập 1/ trang 56**  a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ  🡪 TN chỉ thời gian  b. TN: giờ đây  🡪 TN chỉ thời gian  c. TN: dù có ý định tốt đẹp  🡪 TN chỉ điều kiện  **Bài 2/ trang 57**  a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát  c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 4.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS: *cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.*  - HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv tổ chức báo cáo kết quả.  - HS trình bày sản phẩm ; HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài 4/ trang 57**  a. *Chung sức chung lòng*: đoàn kết, nhất trí  b. *Mười phân vẹn mười*: toàn vẹn, không có khiếm khuyết. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: *cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận hoàn thiện bài tập.  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Gv tổ chức báo cáo kết quả.  - HS trình bày sản phẩm ; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 5/ trang 57**  a. *Thua em kém chị*: nghĩa là thua kém mọi người nói chung  b. *Mỗi người một vẻ*: mỗi người có những điểm riêng, khác biệt, không giống ai  c. *Nghịch như quỷ*: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học vận dụng viết đoạn văn có trạng ngữ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn.

- GV quan sát, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi 1-3 HS đọc đoạn văn.

- HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, đánh giá, cho HS quan sát đoạn văn mẫu.

*Xuân! Xuân đến thật rồi.* ***Trong vườn*** *cây cối đã cởi bỏ đi cái áo khoác mà đã mang suốt mùa đông lạnh lẽo để thay vào đó là bộ quần áo mới mang màu xanh, màu êm dịu.* ***Trên các nẻo đường****, hoa khoe sắc, lộng lẫy. Xuân nhẹ nhàng gói mưa vào trong nắng, chập chờn những cơn mưa vội vã ban chiều, không mỏng manh. Xuân ôm từng hạt nắng trong từng bông cúc vàng, nhuộm sắc những cơn mưa phùn vô tình đã làm mùa xuân rét ngọt, một cái rét tượng trưng. Những luồng gió nồm nam cứ thổi, thổi mãi thành cái đẹp của mùa xuân. Mùa về thật là đẹp.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 94-95**

**HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

***- Giong- mi Mun-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

- Cách thức trình bày ý kiến.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận được thể hiện trong văn bản “ Hai loại khác biệt”.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “ Hai loại khác biệt” *( Khuyến khích HS tự tìm hiểu yêu cầu này).*

**3. Về phẩm chất:** Sống trung thực, thể hiện đúng suy nghĩ riêng của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, PHT

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức cho HS chia sẻ:

*+ Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp hay không? Vì sao?*

*+ Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chuẩn bị chia sẻ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS chia sẻ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận được thể hiện trong văn bản “ Hai loại khác biệt”.

- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “ Hai loại khác biệt” *( Khuyến khích HS tự tìm hiểu yêu cầu này).*

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân, để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra.*  *+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: phiên bản, quái đản, quái dị.*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giải nghĩa từ, trả lời các câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  - Bày tỏ cảm xúc về truyện  **2. Chú thích**  **3. Ngôi kể và PTBĐ**  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **4. Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>* *ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Mỗi người cần có sự khác biệt  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J  - Đoạn 3: *Tiếp =>* *trong mỗi con người*: Cách để tại nên sự khác biệt  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu mục phần đặt vấn đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV đặt câu hỏi:  *+ Câu chuyện nhân vật “tôi” kể diễn ra vào thời gian nào? Việc nhân vật tôi kể có tác dụng gì?*  *+ Thầy giáo đã ra bài tập gì nhân vật “tôi” và các bạn trong lớp bài tập gì?*  *+ Theo lời giáo viên thì mục đích và quy định của bài tập này là gì?*  *+ Nhận xét nghệ thuật đặt vấn đề nghị luận của tác giả.*  *+ Vấn đề tác giả muốn đưa ra để bàn luận là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát màn hình kết hợp đọc SGK dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.  HS trả lời, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV tổng hợp, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Đặt vấn đề**  - Kể qua lời nhân vật "tôi" khi ở độ tuổi Trung học. → Tăng tính chân thực, sức thuyết phục.  - Thầy giáo ra một bài tập: *Trong suốt 24 tiếng đồng hồ, chúng tôi phải trở nên khác biệt.*  - Mục đích của bài tập: Giúp học sinh bộc lộ phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh.  - Quy định: Không được làm điều gì gây hại, làm phiền người khác hoặc vi phạm nội quy nhà trường.  -> NT: Dùng lời kể nêu vấn đề, lời văn nhẹ nhàng, dễ tiếp nhận, tăng tính hấp dẫn, gây tò mò.  ***=> Mỗi người cần có sự khác biệt*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS bám sát văn bản trả lời:  *+ Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của đối tượng nào?*  *+ Việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J hoàn thoàn khác nhau. Sự khác nhau ấy biểu hiện cụ thể như thế nào?*  *+ Bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp?*  *- Bằng chứng cho thấy sự khác biệt của J?*  *+ Trong VB này, tác giả đã đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều cần bàn luận trước, sau đó mới đưa ra thực tế để chứng minh? Hãy nhận xét về cách lựa chọn kiểu triển khai này?*  *+ Từ câu chuyện tác giả đưa tới bài học gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát màn hình kết hợp đọc SGK dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.  HS trả lời, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV tổng hợp, chiếu kết luận.  GV khuyến khích HS chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản “ Hai loại khác biệt”  *( thực hiện yêu cầu này ở nhà).* | **2. Sự khác nhau của hai loại khác biệt**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khác biệt**  **vô nghĩa** | **Khác biệt**  **có nghĩa** | | ***Biểu hiện*** | - "Tôi": Đến trường với bộ trang phục kì dị, đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay.  - Các cách thể hiện khác:  + Để kiểu tóc kì quặc.  + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm.  + Tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý.  → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt. | J - khác biệt.  - Đứng lên trả lời câu hỏi.  - Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc, lễ độ.  - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị".  - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng. | | ***Kết quả*** | - Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt.  - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa. | - Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc.  - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý. |   => **Bài học:** Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,... |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Ở phần cuối văn bản tác giả khẳng định điều gì ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chiếu kết luận. | **3. Kết thúc vấn đề**  Sự khác biệt vô nghĩa sẽ bị loại bỏ, chỉ có sự khác biệt có nghĩa mới được chú ý. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi mở.  - HS suy nghĩ cá nhân, rút ra kết luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS khái quát nội dung, ý nghĩa.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chiếu kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.  **2. Nội dung – ý nghĩa:**  - Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.  **-** Khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự, là thứ làm nên cá tính, phong cách, chất riêng của mỗi cá nhân. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV nêu vấn đề, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề:

*+ Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?*

***+*** *Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV tổng hợp, kết luận:

*- Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết.*

*- Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Từ một câu cho trước (Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...), em hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

*+ Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa?*

*+ Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

*Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người. Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì. Mỗi người luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người. Chúng ta hãy rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng để tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa.*

- GV HDHS chuẩn bị tiết học sau.

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 96**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt ý nghĩa.

- Thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

+ Nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng trò chơi, tổ chức cho HS huy động hiểu biết cá nhân, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”

*Câu 1: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Cháu mời bà…cơm ạ.”*

*A. chén B. xài* ***C. ăn*** *D. làm bát*

*Câu 2: Mười ba chiến sĩ đã…ở thủy điện Rào Trăng*

***A. hi sinh*** *B. chết C. ra đi D. mất*

*Câu 3: Em bé…tập nói*

*A. líu lo B. ríu rít* ***C. bi bô*** *D. tía lia*

*Câu 4: Nước mắt rơi…*

***A. lã chã*** *B. lộp độp C. bì bõm D. thánh thót*

*Câu 5: Thời gian trôi qua…*

***A. Lê thê*** *B. Lê la C. Lê lết*

*+ Từ trò chơi em rút ra được bài học gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, tham gia trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

## - GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi.

## - HS khác, lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV chốt đáp án, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong việc biểu đạt ý nghĩa.

- Thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

**b. Nội dung:** GV căn cứ vào nhiệm vụ của HS trong phần Khởi động kết hợp SGK, HDHS hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu ví dụ và yêu cầu HS quan sát, trả lời câu hỏi:  *VD: Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít những người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.*  *+ Tìm những từ đồng nghĩa với từ “Noi gương”?*  *+ Có thể thay thế từ “noi gương” bằng những từ đồng nghĩa vừa tìm được không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi ý: giải thích nghĩa của các từ ngữ đã cho.  - Cá nhân HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Lựa chọn trật tự từ**  **1. Ví dụ**  *- noi gương:*[Bắt chước](https://vi.wiktionary.org/wiki/b%E1%BA%AFt_ch%C6%B0%E1%BB%9Bc) [người](https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C6%B0%E1%BB%9Di) có đức, [có tài](https://vi.wiktionary.org/wiki/c%C3%B3_t%C3%A0i).  *- Học theo:*  *- Làm theo:*  *- Bắt chước:*  -> Sử dụng từ “ noi gương”là phù hợp hơn cả.  **2. Kết luận**  - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên. Ở bất cứ vị trí nào trong câu, trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất. Muốn vậy, người viết nói phải biết lựa chọn từ ngữ. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu ví dụ và yêu cầu HS quan sát, trả lời câu hỏi:  *VD: Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.*  *+ Nêu hiệu quả của việc sử dụng cặp quan hệ từ “ càng…càng”*  *+ Có thể thay thế cách diễn đạt bằng câu khác nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa của câu không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi ý: nếu bỏ cặp quan hệ từ *“ càng…càng”* thì ý nghĩa diễn đạt của câu sẽ thay đổi như thế nào?  - Cá nhân HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Lựa chọn cấu trúc câu**  **1. Ví dụ**  - Cặp quan hệ từ: *càng...càng*  -> nhấn mạnh nhận thức của “ tôi” về tình mẹ.  **2. Kết luận**  - Trong viết/ nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.  - Việc lựa chọn cấu trúc câu cần: đúng ngữ pháp, phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- Nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn.  - HS làm BT vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt đáp án. | **III. Luyện tập**  **Bài 1**  a. Trong câu: “Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao ”, không thể dùng từ kiểu để thay cho vẻ được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ kiểu thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi vẻ thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...).  b. Từ khuất được dùng trong câu: “Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi củng đã lớn.” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh. Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ khuất thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, xúc động, cảm động, xúc cảm là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. Xúc động biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với cảm động hay xúc cảm. Vì thế, từ xúc động là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu “Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi” |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS làm tương tự như BT1  - HS làm BT vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt đáp án. | **Bài 2:**  a. phản ứng  b. hoàn hảo  c. quan sát  d. nỗ lực |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, làm việc cá nhân.  - Gv gợi ý HS bằng các câu hỏi:  *+ Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?*  *+ Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá, kết luận. | **Bài 3**  a. cụm từ ***giờ đây khi hổi tưởng lại*** là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.  b. Câu văn *“Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.”* cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “Cậu *đã trả lời câu hỏi và đứng lên.”* thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.  c. Câu c: “Đến *cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “Đến *cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.”* thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 4.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, làm việc cá nhân.  - Gv gợi ý HS có thể thực hiện theo các thao tác:  *+ Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.*  *+ Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.*  *+ Kiểm tra xem có phù hợp không*  *+ Kiểm tra xem câu có phù hợp không?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá, kết luận. | **Bài 4**  a. Câu “Tôi *không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.”* có hai vế, vế đẩu nêu băn khoăn về một điểu chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có *lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.”* thì lời giải thích lại xuất hiện trước điểu băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.  b.  Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt *về* nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng và “căn bệnh” hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn có sử dụng phép điệp ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chuyển giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi ở trường em. Chú ý sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh đọc đoạn văn.

- Lớp lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh băn khoăn, chốt lại kiến thức; tham khảo đoạn văn sau:

*Sau một tiết học hăng say, tiếng trống trường vang lên giòn dã báo hiệu một đã tiết học kết thúc. Từ các lớp học, chúng tôi ùa ra sân trường như một đàn chim vỡ tổ. Các bạn nam, bạn nữ cười nói vui vẻ. Giữa sân trường các bạn nam chơi đá cầu. Mấy bạn nữ đang nhảy dây. Đằng xa, dưới gốc phượng già, các bạn khác ngồi trò chuyện và đọc sách…. Tuy rất ngắn, nhưng giờ ra chơi là quãng thời gian mà mỗi chúng tôi đều mong đợi vì chúng tôi tìm thấy niềm vui của tuổi học trò ở khoảng thời gian ấy*

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 97**

**BÀI TẬP LÀM VĂN**

(Trích ***Nhóc Ni-cô-la, những chuyện chưa kể***,

Rơ- nê Gô- xi- nhi, Giăng- giắc Xăng- pê)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận với văn bản văn học.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận với văn bản văn học.

+ Trình bày được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

**3. Về phẩm chất:** Sống trung thực, thể hiện đúng suy nghĩ riêng của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, PHT

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức cho HS chia sẻ:

*+ Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?*

*+ Nếu gặp một để văn yêu cầu tả/ kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chuẩn bị chia sẻ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS chia sẻ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận với văn bản văn học.

- Trình bày được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **1.1. Tìm hiểu chung về tác giả**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu chân dung tác giả, yêu cầu HS:  *+ Qua sự tìm hiểu và chuẩn bị ở nhà, em hãy nêu nhanh những hiểu biết của em về tác giả của VB Bài tập làm văn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày cá nhân.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, nhấn mạnh nét chính. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Rơ–nê Gô–xi–nhi (1926 -1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,viết kịch, làm phim.  - Giăng-giắc Xăng–pê (Sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa. |
| **1.2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, đọc theo vai*  *+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS.*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giải nghĩa từ, trả lời các câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **2. Tác phẩm**  **- Đọc**  + HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  + Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  + Bày tỏ cảm xúc về truyện  **- Chú thích:** *khăn mùi soa*, *đầu bài*, *Ban-dắc*, *bố cục*, *chầu*, *lẹt đẹt*  **-Ngôi kể và PTBĐ:**  + Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  + PTBĐ: tự sự  **­- Bố cục:** 3 phần  + P1: Từ đầu -> rất là tuyệt: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập  + P2: Tiếp theo -> ông Blê-đuc tức giận*:* Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé  + P3: Còn lại: Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu tình huống truyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV đặt câu hỏi:  *+ Cậu bé Ni-cô-lai đã nhờ bố giúp việc gì?*  *+ Tại sao cậu phải nhờ bố làm hộ bài tập? Theo em hành động nhờ người khác làm giúp bài tập là nên hay không nên?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.  HS trả lời, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV tổng hợp, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tình huống truyện**  - Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài văn  - Nguyên nhân  + Có thể *Ni-cô-la* vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.  + Do đề văn hơi khó, *Ni-cô-la* cảm thấy chật vật.  + Có thể trong học tập, *Ni-cô-la* thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực….  => Dù là lí do gì thì việc nhờ bố làm bài cũng là điều không thể chấp nhận |
| **2.2. Tìm hiểu diễn biến của truyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Khi con nhờ giúp làm bài tập tập làm văn, thái độ của bố Ni-cô-la ra sao?*  *+ Vì sao bố Ni-cô-la lại có thái độ như vậy?*  *+ Em có nhận xét gì về giọng điệu kể chuyện trong đoạn văn này.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.  HS trả lời, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV tổng hợp, kết luận | **2. Diễn biến của câu chuyện:**  **a. Thái độ của bố Ni-cô la khi con nhờ giúp làm bài tập làm văn**  - Sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn vì:  + Đó là một điều cần thiết “bố sẵn sàng làm bài văn giúp con”  + Đây sẽ là lần cuối cùng bố giúp cậu  + Bố còn muốn cậu thấy bố rất giỏi văn.  + Bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con  -> Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Với yêu cầu của đề: “Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em” việc đầu tiên cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn là gì? Vì sao vậy?*  *+ Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời lần lượt từng câu hỏi.  HS trả lời, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV tổng hợp, kết luận. | **b. Việc Ni-cô-la nhờ bố là rất khó**  - Phải biết: ai là người bạn thân thiết nhất của Ni-cô-la.  - Điều này cả bố và ông Blê-đúc cần phải biết khi làm tập làm văn, vì:  + Nếu không biết ai là người bạn thân của Ni-cô-la mà bố và ông Blê-đúc vẫn làm bài thì sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu của đề.  + Bài văn ấy nói về người khác chứ không phải bạn của Ni–cô–la.  + Cô giáo nhận ra bài văn đã viết về một nhân vật tưởng tượng nào đó, chứ không phải nói về người bạn thân nhất của Ni–cô–la.  - Bố vẫn thấy khó dù Ni-cô-la giới thiệu cho bố về rất nhiều người bạn thân của mình: Vì  + Bố không phải là bạn của họ  + Bố không hiểu biết gì về sở thích, tính tình, sở trường, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ của họ  + Bố không thể viết về người hoàn toàn xa lạ  => Không thể làm bài văn hộ con. |
| **2.3. Tìm hiểu kết thúc câu chuyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Truyện kết thúc bằng sự việc nào?*  *+ Ni-cô-la tự rút ra được điều gì?*  *+ Qua đó, câu chuyện đưa đến cho ta những bài học nào ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV kết luận. | **3. Kết thúc câu chuyện**  - Ni-cô-la đã tự làm được bài văn ra trò, được cô giáo khen là cá tính và độc đáo.  - Ni-cô-la tự rút ra: “*bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tự tôi làm*”  - Bài học:  + Bài học về sự nỗ lực, cố gắng vượt qua giới hạn của bản thân.  + Bài học về sự trung thực, sự sáng tạo, biết thể hiện suy nghĩ riêng của bản thân.  + Đặc trưng của các bài tập làm văn là sáng tạo mang tính độc đáo, riêng biệt của mỗi học sinh. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV gợi mở.  - HS suy nghĩ cá nhân, rút ra kết luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS khái quát nội dung, ý nghĩa.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, giọng kể có phần hài hước.  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, hấp dẫn.  - Cốt truyện giản dị, gần gũi, giàu ý nghĩa.  **2. Nội dung – ý nghĩa**  - Khẳng định giá trị của cái riêng biệt, của cảm xúc cá nhân là hết sức quan trọng.  - Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài tập làm văn phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.  - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV nêu vấn đề, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề: *Nếu gặp một đề văn như của Ni-cô-la, theo em việc đầu tiên phải làm gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV tổng hợp, kết luận:

- Cố gắng suy nghĩ, để tự mình viết theo cảm xúc và suy nghĩ, cũng như những cảm nhận riêng về bạn thân.

- Hình dung, cảm nhận về người bạn thân nhất: ngoại hình, cá tính, sở thích, mối quan hệ của bạn với mọi người...

- Luôn suy nghĩ tích cực về bạn để có cái nhìn thật đẹp về bạn.

- Có thể hỏi người thân nhưng không nhờ viết giúp mà là các gợi ý nếu thật cần thiết để có cái nhìn về bạn mình toàn diện hơn.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn 5-7 câu giới thiệu về một nguười bạn thân thiết của em.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gợi ý cho HS về nhà thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS viết đoạn văn ở nhà, chụp lại, nộp bài qua zalo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Khuyến khích HS tự đọc: *Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm.*

- GV HDHS chuẩn bị tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |

**Tiết 98**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Truyện cổ tích, một số yếu tố của truyện cổ tích.

- Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).

- Các bước viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học; năng lực giải quyết các vấn đề sáng tạo.

- Năng lực riêng:

+ Nhận biết được thể loại truyện cổ tích.

+ Nêu được nội dung của đoạn trích.

+ Hiểu được ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích.

+ Hiểu được ước mơ, quan niệm của nhân dân ta qua cách kết thúc phổ biến của truyện cổ tích.

+ Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** KHBD, máy tính, bài viết của HS đã chấm

**2. Học sinh**: chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hỏi:  *Em đánh giá thế nào về bài kiểm tra học kì I của mình? (ưu, nhược điểm)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được thể loại truyện cổ tích.

- Nêu được nội dung của đoạn trích.

- Hiểu được ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích.

- Hiểu được ước mơ, quan niệm của nhân dân ta qua cách kết thúc phổ biến của truyện cổ tích.

- Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).

- Biết tự đánh giá những ưu- nhược điểm trong bài làm của mình, bài làm của bạn để rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra sau.

**b. Nội dung:** GV sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, hướng dẫn HS xây dựng đáp án cho bài làm; đánh giá được năng lực đọc, viết của bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** nhận thức và câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS tìm hiểu yêu cầu của đề và xây dựng đáp án  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu đề, yêu cầu HS:  *+ Xây dựng đáp án cho phần Đọc- hiểu;*  *+ Cá nhân nhắc lại yêu cầu của bài văn bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  - GV gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi:  + HS trả lời lần lượt các câu hỏi ở phần Đọc- hiểu;  + Nhắc lại yêu cầu của bài văn bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa).  - HS thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét sau mỗi câu trả lời và kết luận, lưu ý HS kết hợp yếu tố miêu tả trong văn tự sự. | **1. Yêu cầu của đề và xây dựng đáp án** |
| **I. ĐỌC- HIỂU ( 4,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** | | **1** | - Thể loại: Truyện cổ tích  - Nhân vật chính: Thạch Sanh | 0,5  0,5 | | **2** | - Nội dung: Đoạn trích kể lại sự việc Thạch Sanh chiến thắng quân mười tám nước chư hầu, lấy công chúa và lên ngôi vua. | 1,0 | | **3** | - Ý nghĩa của vật kì ảo “ niêu cơm thần”:  + Thể hiện sự nhân ái, khoan dung của Thạch Sanh  + Thể hiện tấm lòng nhân đạo, ưa chuộng hòa bình của nhân dân ta, ước mơ về cuộc sống no đủ. | 0,5  0,5 | | **4** | - Kết thúc truyện, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa và nhường ngôi. Đây là cách kết thúc có hậu thể hiện:  + ước mơ của nhân dân ta về một cuộc sống tốt đẹp hơn;  + quan niệm *“ ở hiền gặp lành”* của người lao động xưa. | 0,5  0,5 | |  |  | **4,0** |   **II. LÀM VĂN ( 6,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý** | **Kiến thức, kĩ năng cần đạt được** | **Điểm** | | a | *Đảm bảo cấu trúc bài văn:* có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. | 0,25 | | b | *Xác định đúng kiểu bài:* Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa). | 0,25 | | c | *Triển khai nội dung:* |  | | **- Mở bài:** Giới thiệu về buổi lễ khai giảng ( không gian, thời gian, mục đích tổ chức …) | 0,5 | | **- Thân bài:** Tóm tắt diễn biến của buổi lễ khai giảng theo trình tự thời gian.  + Những nhân vật tham gia buổi lễ.  + Các hoạt động chính trong buổi lễ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất. | 0,5  2,5  1,0 | | **- Kết bài:** Nêu ý nghĩa của buổi lễ khai giảng và cảm nghĩ của bản thân. | 0,5 | | d. | *Chính tả, ngữ pháp tiếng Việt:* Bài viết đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | 0,25 | | e. | *Sáng tạo:* Thông tin xác thực, đầy đủ, mới mẻ về đối tượng thuyết minh. | 0,25 | |  |  | **6,0** | |  | **Tổng toàn bài** | **10,0** | | |
| **\* NV2.** HDHS đánh giá bài làm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát, đối chiếu với đáp án, tự nhận xét bài làm của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đối chiếu, đánh giá.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Cá nhân HS nêu những ưu điểm, hạn chế trong bài viết của mình.  - GV chọn 1-2 bài khá, 1-2 yếu đọc trước lớp; GV tổ chức cho HS:  + Đánh giá chung trước lớp.  + Chữa một số lỗi phổ biến về chính tả, dùng từ, đặt câu.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá và lưu ý HS các lỗi về chính tả, diễn đạt, cách trình bày bài.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau. | **2. Nhận xét, đánh giá**  **\* Ưu điểm**:  - Một số HS trả lời khá đầy đủ, đúng các câu hỏi.  - Trình bày bài theo bố cục 3 phần rõ ràng.  - Thông tin xác thực, đầy đủ về đối tượng thuyết minh.  **\* Nhược điểm:**  - Một số bài viết còn sai chính tả, chữ xấu, trình bày cẩu thả.  - Một số diễn đạt chưa rõ ràng, trả lời chưa đủ ý.  - Mộ số bài còn sơ sài,chưa tập trung vào các hoạt động chính trong buổi lễ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. |